

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Báo cáo của Hội Đồng quản trị

và

Các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1- 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 31

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000385 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 20 tháng 4 năm 2001, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 1)	Ngày 17 tháng 10 năm 2001
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 2)	Ngày 27 tháng 8 năm 2002
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 3)	Ngày 19 tháng 3 năm 2003
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 4)	Ngày 23 tháng 3 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 5)	Ngày 14 tháng 7 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 6)	Ngày 27 tháng 6 năm 2006
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 7)	Ngày 12 tháng 11 năm 2007
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 8)	Ngày 4 tháng 1 năm 2008

Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 114/QĐ-SDGHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có hai công ty con bao gồm Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên và công ty Cổ Phần Đầu Tư Hữu Liên (“các công ty con”), trong đó Công ty nắm giữ 61% và 66,67% tỷ lệ quyền sở hữu tương ứng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí, kim loại, hàng trang trí nội thất và các sản phẩm từ thép;
- Mua bán máy móc thiết bị; và
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại KE A2/7, Tân Kiên- Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

		<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm	(20.754.433)	30.066.891
Cổ tức đã công bố và chi trả trong năm	31.486.390	-
(Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(39.576.708)	21.976.261

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 114/QĐ-SDGHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên	
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên	
Ông Đoàn Minh Tiến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này cần đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nhằm có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của toàn bộ Nhóm công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Trần Xảo Cơ
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 60752765/ 13560258

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày từ trang 5 đến trang 31 (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng"). Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác. Báo cáo kiểm toán đề ngày 15 tháng 2 năm 2008 của họ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về những báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám Đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký. N.1073/KTV

Đặng Hồng Tân
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký. 0489/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		672.674.159	472.282.510
110	I. Tiền	4	18.409.418	30.614.718
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		55.705	3.126.385
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	55.705	3.126.385
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		306.588.239	182.100.753
131	1. Phải thu khách hàng	6	279.826.938	151.336.292
132	2. Trả trước cho người bán		25.191.690	3.375.356
135	3. Các khoản phải thu khác		1.569.611	27.389.105
140	IV. Hàng tồn kho	7	316.747.734	238.862.314
141	1. Hàng tồn kho		402.566.659	238.862.314
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(85.818.925)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.873.063	17.578.340
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		43.401	68.670
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		24.518.380	16.735.447
154	3. Thuế phải thu Nhà nước	8	5.030.731	8.192
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.280.551	766.031
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		267.452.604	224.011.554
220	I. Tài sản cố định		224.043.816	202.021.267
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	104.790.400	110.318.157
222	Nguyên giá		164.195.527	152.391.437
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.405.127)	(42.073.280)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	19.428.965	5.924.399
225	Nguyên giá		21.143.503	6.120.263
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.714.538)	(195.864)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	74.416.589	48.177.846
228	Nguyên giá		77.010.525	49.229.472
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.593.936)	(1.051.626)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	25.407.862	37.600.865
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	5	26.100.000	4.000.000
251	1. Đầu tư vào các công ty con		26.100.000	4.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		17.308.788	17.990.287
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.701.963	5.438.907
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	3.923.854	3.840.788
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.682.971	8.710.592
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		940.126.763	696.294.064

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		707.872.032	426.814.329
310	I. Nợ ngắn hạn		677.581.447	394.190.816
311	1. Vay ngắn hạn	13	550.045.753	275.336.209
312	2. Phải trả người bán	14	120.027.458	101.035.269
313	3. Người mua trả tiền trước		2.598.654	4.775.696
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	15	1.417.518	7.629.224
315	5. Phải trả người lao động		247.315	-
316	6. Chi phí phải trả		-	-
319	7. Các khoản phải trả khác	16	3.244.749	5.414.418
330	II. Nợ dài hạn		30.290.585	32.623.513
333	1. Vay và nợ dài hạn	17	26.053.129	29.410.132
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		4.237.456	3.213.381
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	232.254.731	269.479.735
410	I. Vốn chủ sở hữu		232.242.646	269.476.261
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		190.000.000	183.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		75.000.000	64.500.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.446.177	-
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		3.373.177	-
420	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối		(39.576.708)	21.976.261
430	II. Quỹ khác	18	12.085	3.474
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		12.085	3.474
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		940.126.763	696.294.064

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	178.502	14.123
- Euro (EUR)	250	-

Kế toán trưởng
Phan Văn Thơm

Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.823.352.936	1.030.323.101
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(568.681)	(448.470)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.822.784.255	1.029.874.631
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.709.221.673)	(930.901.471)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.562.582	98.973.160
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	6.637.067	1.934.380
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	20	(98.888.842) (79.105.580)	(32.447.151) (27.220.567)
24	8. Chi phí bán hàng		(7.121.884)	(5.552.992)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(39.774.273)	(18.507.350)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(25.585.350)	44.400.047
31	11. Thu nhập khác	21	10.209.018	4.941.613
32	12. Chi phí khác	21	(4.970.509)	(4.080.250)
40	13. Lợi nhuận khác		5.238.509	861.363
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(20.346.841)	45.261.410
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(490.658)	(14.074.519)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	23.3	83.066	(1.120.000)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(20.754.433)	30.066.891

Kế toán trưởng
Phan Văn Thơm

Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ) lợi nhuận trước thuế		(20.346.841)	45.261.410
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	9, 10, 11	24.013.781	13.178.693
03	Các khoản dự phòng		86.842.998	-
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		5.844.319	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.746.503)	(278.775)
06	Chi phí lãi vay	20	79.105.580	27.220.567
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		172.713.334	85.381.895
09	Tăng các khoản phải thu		(138.445.918)	(69.510.970)
10	Tăng hàng tồn kho		(163.704.345)	(96.745.571)
11	Tăng các khoản phải trả		24.021.139	40.857.400
12	Giảm chi phí trả trước		791.458	337.759
13	Tiền lãi vay đã trả		(79.105.580)	(27.220.567)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.2	(10.200.000)	(6.458.195)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18.1	(2.484.181)	(144.075)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(196.414.093)	(73.502.324)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(36.009.546)	(58.096.310)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21	9.590.776	3.359.348
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(24.197.425)	(4.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.180.503	23.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		-	169.200
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.435.692)	(35.567.762)

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	18.1	17.500.000	107.500.000
33	Tiền vay đã nhận		1.425.788.937	782.014.750
34	Tiền vay đã trả		(1.176.512.864)	(766.485.416)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(4.645.198)	(2.885.799)
36	Cổ tức đã trả	18.2	(31.486.390)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		230.644.485	120.143.535
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.205.300)	11.073.449
60	Tiền tồn đầu năm	4	30.614.718	19.541.269
70	Tiền tồn cuối năm	4	18.409.418	30.614.718

Kế toán trưởng
Phan Văn Thơm

Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000385 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 20 tháng 4 năm 2001, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 1)	Ngày 17 tháng 10 năm 2001
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 2)	Ngày 27 tháng 8 năm 2002
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 3)	Ngày 19 tháng 3 năm 2003
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 4)	Ngày 23 tháng 3 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 5)	Ngày 14 tháng 7 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 6)	Ngày 27 tháng 6 năm 2006
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 7)	Ngày 12 tháng 11 năm 2007
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 8)	Ngày 4 tháng 1 năm 2008

Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 114/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có hai công ty con bao gồm Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hữu Liên (“các Công ty con”), trong đó Công ty nắm giữ 61% và 66.67% tỷ lệ quyền sở hữu

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí, kim loại, hàng trang trí nội thất và các sản phẩm từ thép
- Mua bán máy móc thiết bị, và
- Đại lý kỹ gửi hàng hóa

Công ty có trụ sở chính tại KE A2/7, Tân Kiên- Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là: 1.119 (Năm 2007: 935).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước ngoại trừ rằng Công ty đã trích trước khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm cho những nhân viên làm việc trên một năm theo tỷ lệ là một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 theo đúng quy định của Luật Lao Động.

Ảnh hưởng của các thay đổi trong chính sách kế toán tới báo cáo tài chính riêng năm trước và năm hiện tại được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 25.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị..

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ nhận chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

3.16 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.584.580	6.822.130
Tiền gửi ngân hàng	16.824.838	23.792.588
TỔNG CỘNG	18.409.418	30.614.718

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	55.705	3.126.385
Đầu tư dài hạn vào công ty con	26.100.000	4.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	6.100.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	20.000.000	-
TỔNG CỘNG	26.155.704	7.126.385

Đầu tư của Công ty vào các Công ty con

<i>Tên các công ty con</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa điểm đăng ký</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	61.00	Thành Phố Hồ Chí Minh –Việt Nam	Sản xuất hàng nội thất và các sản phẩm bằng thép
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	66.67	Thành Phố Hồ Chí Minh –Việt Nam	Dịch vụ môi giới, kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	68.072.419	94.114.935
Phải thu bên thứ ba	211.754.519	57.221.357
TỔNG CỘNG	<u>279.826.938</u>	<u>151.336.292</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	109.855.591	21.029.771
Thành phẩm	59.360.120	53.393.701
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.057.680	31.369.308
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	210.906.684	116.082.425
Công cụ, dụng cụ	386.584	265.881
Hàng mua đang đi trên đường	-	16.721.228
TỔNG CỘNG	<u>402.566.659</u>	<u>238.862.314</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(85.818.925)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>316.747.734</u>	<u>238.862.314</u>

8. THUẾ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 23.2</i>)	4.139.437	-
Thuế nhập khẩu	883.102	-
Khác	8.192	8.192
TỔNG CỘNG	<u>5.030.731</u>	<u>8.192</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VNĐ

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	118.180.433	18.435.895	13.083.506	1.834.638	856.965	152.391.437
Tăng trong năm	5.096.435	13.859.083	657.200	779.533	-	20.392.251
Mua mới	5.096.435	371.901	657.200	713.354	-	6.838.890
Xây dựng mới	-	13.487.182	-	66.179	-	13.553.361
Thanh lý, nhượng bán	(8.588.161)	-	-	-	-	(8.588.161)
Số dư cuối năm	114.688.707	32.294.978	13.740.706	2.614.171	856.965	164.195.527
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	3.914.392	35.429	287.000	82.175	163.950	4.482.946
Giá trị hao mòn:						
Số dư đầu năm	(36.086.545)	(1.165.327)	(3.865.294)	(780.885)	(175.229)	(42.073.280)
Khấu hao trong năm	(17.072.925)	(1.236.861)	(2.235.537)	(337.251)	(70.223)	(20.952.797)
Thanh lý, nhượng bán	3.620.950	-	-	-	-	3.620.950
Số dư cuối năm	(49.538.520)	(2.402.188)	(6.100.831)	(1.118.136)	(245.452)	(59.405.127)
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	82.093.888	17.270.568	9.218.212	1.053.753	681.736	110.318.157
Số dư cuối năm	65.150.187	29.892.790	7.639.875	1.496.035	611.513	104.790.400
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp	26.635.871	18.614.983	1.320.644	-	-	46.571.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Máy móc thiết bị</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.120.263
Tăng trong năm	<u>15.023.240</u>
Số dư cuối năm	<u>21.143.503</u>
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	(195.864)
Chi phí khấu hao trong năm	<u>(1.518.674)</u>
Số dư cuối năm	<u>(1.714.538)</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	<u>5.924.399</u>
Số dư cuối năm	<u>19.428.965</u>

Công ty đang thuê máy móc thiết bị sử dụng trong dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính Sacombank và công ty cho thuê tài chính Chailease International Leasing Co., Ltd.

Theo như điều khoản của những hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Cam kết thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê này được trình bày tại thuyết minh số 17.1

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	49.168.329	61.143	49.229.472
Tăng trong năm	<u>27.747.544</u>	<u>33.509</u>	<u>27.781.053</u>
Số dư cuối năm	<u>76.915.873</u>	<u>94.652</u>	<u>77.010.525</u>
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	(1.050.607)	(1.019)	(1.051.626)
Khấu trừ trong năm	<u>(1.536.558)</u>	<u>(5.752)</u>	<u>(1.542.310)</u>
Số dư cuối năm	<u>(2.587.165)</u>	<u>(6.771)</u>	<u>(2.593.936)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	<u>48.117.722</u>	<u>60.124</u>	<u>48.177.846</u>
Số dư cuối năm	<u>74.328.708</u>	<u>87.881</u>	<u>74.416.589</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp</i>	<i>74.328.708</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quyền sử dụng đất	23.984.750	23.984.750
Phần mềm kế toán Lemon 3	1.134.550	33.507
Xây dựng mái nhà kho	247.520	-
Công trình nhà xưởng	-	13.487.182
Khác	41.042	95.426
TỔNG CỘNG	<u>25.407.862</u>	<u>37.600.865</u>

13. VAY NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín	(1) 295.617.178	122.741.149
Khoản vay của Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	(2) 129.947.783	87.842.147
Khoản vay của Ngân Hàng Malayan Banking Berhad	(3) 48.955.026	45.164.722
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	(4) 33.440.785	-
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(4) 26.928.533	-
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	-	6.613.613
Tổng cộng các khoản vay ngắn hạn	<u>534.889.305</u>	<u>262.361.631</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	15.156.448	12.974.578
TỔNG CỘNG	<u>550.045.753</u>	<u>275.336.209</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

(1) Khoản vay của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín bao gồm nhiều khoản vay bằng VNĐ và USD với lãi suất từ 7.2% đến 21% một năm, và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Phần lớn những khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty, được đảm bảo bằng máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và nhà xưởng tọa lạc tại Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, theo như phụ lục tại những hợp đồng vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(2) Ngày 27 tháng 6 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2007- HDHM/72489 với Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam cho một hạn mức tín dụng 120 tỉ VNĐ để bổ sung nguồn vốn lưu động. Số dư của khoản vay này bao gồm nhiều khế ước vay bằng VNĐ với lãi suất từ 11% đến 20.4% một năm và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Máy móc và phương tiện vận tải theo như hợp đồng thế chấp số 03/2004/72489 ngày 1 tháng 12 năm 2004;
- Bảo lãnh của Ông Trần Xảo Cơ và Bà Lưu Lang Phương bằng quyền sử dụng đất và tài sản tọa lạc tại số 7 đường Trần Diển, Phường 10, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh theo như hợp đồng bảo lãnh số 02/2004/72489/BL;
- Hàng tồn kho theo như hợp đồng thế chấp số 01/2007-HDTC/72489;
- Tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác bằng VNĐ và ngoại tệ; và
- Các khoản phải thu

(3) Các khoản vay của ngân hàng Malayan Banking Berhad bao gồm nhiều khoản vay bằng VNĐ và USD với lãi suất từ 16.2% đến 21% một năm và được hoàn trả trong vòng 3 tháng hoặc 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Phần lớn những khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị theo như phụ lục những hợp đồng vay này.

(4) Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam bao gồm nhiều khoản vay bằng VNĐ và USD với lãi suất từ 7% đến 19.2% một năm, và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Phần lớn những khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty và được đảm bảo bằng hàng tồn kho theo như phụ lục những hợp đồng vay này.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả thương mại	115,884,275	101,035,269
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	4,143,183	-
TỔNG CỘNG	120,027,458	101,035,269

15. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.119.365	1.116.009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.569.905
Thuế nhập khẩu	-	864.062
Thuế thu nhập cá nhân	285.643	70.951
Khác	12.510	8.297
TỔNG CỘNG	1.417.518	7.629.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ của nhà phân phối	2.500.000	2.500.000
Bảo hiểm xã hội	614.797	334.719
Kinh phí công đoàn	113.205	53.155
Các khoản khác	16.747	2.526.544
TỔNG CỘNG	3.244.749	5.414.418

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản vay dài hạn		
Vay ngân hàng (<i>thuyết minh số 17.2</i>)	27.873.407	39.426.582
Nợ dài hạn		
Thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 17.1</i>)	13.336.170	2.958.128
TỔNG CỘNG	41.209.577	42.384.710
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)</i>	15.156.448	12.974.578
<i>Nợ dài hạn</i>	26.053.129	29.410.132

17.1 Thuê tài chính

Công ty thuê máy móc thiết bị chuyên dùng cho việc sản xuất ống thép theo hợp đồng thuê tài chính. Nghĩa vụ tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo thỏa thuận thuê tài chính được xác định như sau:

	Ngàn VNĐ					
	Năm nay			Năm trước		
	<i>Tổng cộng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>Khoản phải trả tiền thuê</i>	<i>Tổng cộng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>Khoản phải trả tiền thuê</i>
Phải trả ngắn hạn	7.729.729	1.797.794	5.931.935	2.253.303	733.595	1.519.708
Dưới 1 năm	7.729.729	1.797.794	5.931.935	2.253.303	733.595	1.519.708
Phải trả dài hạn	8.436.633	1.032.398	7.404.235	1.999.496	561.076	1.438.420
Từ 1 năm đến 5 năm	8.436.633	1.032.398	7.404.235	1.999.496	561.076	1.438.420
TỔNG CỘNG	16.166.362	2.830.192	13.336.170	4.252.799	1.294.671	2.958.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

	Số cuối năm	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín				
Khế ước vay số KU 9100	1.786.760	84 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất kỳ hạn 13 tháng + 0.5%/tháng	Quyền sử dụng đất
Khế ước vay số. KU 9115	8.223.314	72 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất Sibor 6 tháng + 4.1%/năm	Máy móc thiết bị
Khế ước vay số KU 9610	165.427	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất kỳ hạn 13 tháng + 0.4%/tháng	Quyền sử dụng đất
Khế ước vay số KU 10735	1.210.690	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất Sibor 6 tháng + 2.5% /năm	Máy móc thiết bị
Khế ước vay số KU 11232	8.240.501	120 tháng kể từ ngày giải ngân	1.2%/ tháng	Nhà xưởng tại Quận Bình Tân
Khế ước vay số KU 11883	1.392.143	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất Sibor 6 tháng + 3.1%/năm	Máy móc thiết bị
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
Khế ước vay số 72489/03	6.387.776	60 tháng kể từ ngày giải ngân	21%/năm	Không
Ngân hàng United Oversea				
Khế ước vay số KU 076	279.040	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 1% to 1.2%/tháng	Phương tiện vận tải trị giá 1.046.400 Ngàn VNĐ
Khế ước vay số KU 091	187.756	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 1% to 1.2%/tháng	Phương tiện vận tải trị giá 568.000 Ngàn VNĐ
TỔNG CỘNG	<u>27.873.407</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	9.224.513			
<i>Nợ dài hạn</i>	18.648.894			

Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư & phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước:							
Số đầu năm	140.000.000	-	-	-	147.549	(5.409.377)	134.738.172
Điều chỉnh (<i>Thuyết minh số 25</i>)	-	-	-	-	-	(2.681.253)	(2.681.253)
Số đầu năm đã điều chỉnh	140.000.000	-	-	-	147.549	(8.090.630)	196.556.919
Phát hành cổ phiếu	43.000.000	64.500.000	-	-	-	-	43.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	33.731.766	33.731.766
Điều chỉnh (<i>Thuyết minh số 25</i>)	-	-	-	-	-	(3.664.875)	(3.664.875)
Lợi nhuận đã điều chỉnh	-	-	-	-	-	30.066.891	30.066.891
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(144.075)	-	(144.075)
Số cuối năm	<u>183.000.000</u>	<u>64.500.000</u>			<u>3.474</u>	<u>21.976.261</u>	<u>269.479.735</u>
Năm nay:							
Số đầu năm	183.000.000	64.500.000	-	-	3.474	21.976.261	269.479.735
Phát hành cổ phiếu	7.000.000	10.500.000	-	-	-	-	17.500.000
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(20.754.433)	(20.754.433)
Cổ tức đã công bố và đã trả	-	-	-	-	-	(31.486.390)	(31.486.390)
Trích lập quỹ	-	-	3.446.177	3.373.177	2.492.792	(9.312.146)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(2.484.181)	-	(2.484.181)
Số cuối năm	<u>190.000.000</u>	<u>75.000.000</u>	<u>3.446.177</u>	<u>3.373.177</u>	<u>12.085</u>	<u>(39.576.708)</u>	<u>232.254.731</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ tức

Công ty đã công bố và trả cổ tức bằng tiền 31.486.390 ngàn VNĐ

18.3 Vốn cổ phần

	<i>Số cổ phần</i>	<i>Mệnh giá Ngàn VNĐ</i>
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2007	14.000.000	140.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	<u>4.300.000</u>	<u>43.000.000</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007	18.300.000	183.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	<u>700.000</u>	<u>7.000.000</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>19.000.000</u>	<u>190.000.000</u>

Cổ phiếu của Công ty được phát hành với mệnh giá 10.000 ngàn đồng một cổ phiếu.

Công ty đã phát hành thêm 700.000 cổ phiếu vào ngày 5 tháng 1 năm 2008.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu gộp	1.823.352.936	1.030.323.101
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán thành phẩm</i>	1.126.083.189	747.865.573
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	694.960.697	277.039.231
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	2.309.050	1.271.475
<i>Doanh thu khác</i>	-	4.146.822
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Hàng bán bị trả lại	<u>(568.681)</u>	<u>(448.470)</u>
DOANH THU THUẦN	<u>1.822.784.255</u>	<u>1.029.874.631</u>

19.2 Doanh thu tài chính

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.009.055	1.365.074
Lãi tiền gửi	1.306.785	123.555
Lãi do bán các khoản đầu tư	307.607	394.699
Doanh thu tài chính khác	<u>13.620</u>	<u>51.052</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.637.067</u>	<u>1.934.380</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	79.105.580	27.220.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.547.939	1.251.084
Phí ngân hàng	2.329.848	1.788.113
Lỗ do bán các khoản đầu tư	1.877.062	2.035.730
Chi phí tài chính khác	28.413	151.657
TỔNG CỘNG	<u>98.888.842</u>	<u>32.447.151</u>

21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	10.209.018	4.941.613
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.590.776	3.359.348
Khoản bồi thường cho hàng hóa bị hư hỏng	536.499	1.092.465
Các khoản thu khác	81.743	489.800
Chi phí khác	4.970.509	4.080.250
Chi phí cho việc thanh lý tài sản cố định	4.967.211	4.080.250
Các khoản chi phí khác	3.298	-
Giá trị thuần	<u>5.238.509</u>	<u>861.363</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn thành phẩm	1.019.776.522	687.017.428
Giá vốn hàng hóa	603.398.666	243.351.915
Các khoản khác	86.046.485	532.128
TỔNG CỘNG	<u>1.709.221.673</u>	<u>930.901.471</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Bởi vì Công ty đã báo cáo lỗ trong năm 2008 nên không có khoản dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế TNDN hiện hành	-	14.074.519
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	490.658	-
TỔNG CỘNG	490.658	14.074.519

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi (lỗ) kế toán với mức thuế suất được chấp nhận trong năm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận trước thuế	(20.346.841)	45.261.410
Điều chỉnh		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.844.319	-
Trợ cấp mất việc làm	617.698	-
Chi phí không hợp lệ	6.066.925	9.004.729
Điều chỉnh (lỗ) lợi nhuận trước khi chuyển lỗ	(7.817.899)	54.266.139
Lỗ được chuyển sang	-	(4.000.000)
(Lỗ được chuyển sang kỳ sau) lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	(7.817.899)	50.266.139
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành (thuế suất 28%)	-	14.074.519
Thuế TNDN phải trả (phải thu) đầu năm	5.569.905	(2.046.419)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	490.658	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.200.000)	(6.458.195)
Thuế TNDN (phải thu) phải trả cuối năm	(4.139.437)	5.569.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước được trình bày như sau:

	Ngàn VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Ghi thu nhập (chi phí) trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.461.080	-	1.461.080	-
Chuyển lỗ	2.308.349	3.840.788	(1.532.439)	(1.200.000)
Trợ cấp mất việc làm	154.425	-	154.425	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3.923.854	3.840.788		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng			83.066	(1.200.000)

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Giá trị</i>
Công ty cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty con	Bán thành phẩm	15.037.895
		Chi phí tiện ích	184.635
		Cho thuê nhà xưởng	960.000
		Bán tài sản cố định	300.000
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Nghiệp Quyền	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	39.242.398
		Bán thành phẩm	347.684.038
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Tân Tấn Tài	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	2.295.502
		Bán thành phẩm	64.849.594
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Tân Tân Huy	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	481.350
		Bán thành phẩm	5.483.424
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	91.961.866
		Bán thành phẩm	99.812.884
Công ty TNHH Bảo Nghi Gia	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	379.849
		Bán thành phẩm	12.267.245
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Mua chứng khoán	19.130.000
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên Hội	Cho vay với lãi suất	10.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Thuyết minh số 9)

Đồng Quản Trị

12%/năm

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những điều khoản và điều kiện với các bên liên quan:

Việc bán hàng được thực hiện bởi Công ty theo bảng giá thường xuyên của Công ty. Những nghiệp vụ mua hàng được giảm giá so với giá thị trường là do hàng đã mua với số lượng lớn.

Số dư còn lại tại ngày kết thúc năm không được đảm bảo bằng tài sản thế chấp, không tính lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã không lập bất kỳ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền còn nợ của các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả tại ngày kết thúc niên độ của các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
<i>Khoản phải thu thương mại</i>			
Công ty trách nhiệm Hữu Hạn Thương Mại và dịch vụ Nghiệp Quyền	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	53.638.823
Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Tân Tân Tài	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	4.329.923
Công ty TNHH Bảo Nghi Gia	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	1.227.572
Công ty Cổ Phần thép Nam Kim	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	<u>8.876.101</u>
		Tổng cộng	<u>68.072.419</u>
<i>Các khoản phải trả thương mại</i>			
Công ty cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty con	Mua Nguyên vật liệu	6.486
Công ty Cổ Phần thép Nam Kim	Công ty liên kết	Mua Nguyên vật liệu	<u>4.136.697</u>
			<u>4.143.183</u>
<i>Cho vay</i>			
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Cho vay với lãi suất 12%/năm	<u>10.500.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

25. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Các số liệu tương ứng được trình bày lại như sau:

		<i>Ngàn VNĐ</i>
Lợi nhuận giữ lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2007		
Điều chỉnh dự phòng trợ cấp mất việc làm	(1)	2.681.253
Lợi nhuận năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007		
Điều chỉnh dự phòng trợ cấp mất việc làm	(1)	532.128
Điều chỉnh chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế TNDN	(2)	2.042.311
Điều chỉnh cho chi phí trả trước	(3)	1.090.436
Tổng cộng		<u>3.664.875</u>

(1) Điều chỉnh dự phòng trợ cấp mất việc làm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty đã không trích lập trợ cấp mất việc làm cho những nhân viên làm việc từ một năm trở lên theo mức nửa tháng lương bình quân cho toàn bộ thời gian làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Bộ Luật Lao Động. Trong năm 2008, Công ty đã phát hiện sai sót này và điều chỉnh hồi tố các tài khoản có liên quan như sau:

- Tăng khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.681.253 ngàn VNĐ;
- Tăng chi phí cho trợ cấp mất việc làm năm 2007 là 532.128 ngàn VNĐ; và
- Tăng dự phòng trợ cấp mất việc làm tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 3.213.381 ngàn VNĐ.

(2) Điều chỉnh chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế TNDN

Công ty đã giảm trừ chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế TNDN số tiền là 2.042.311 ngàn VNĐ phát sinh trong năm 2007 vào lợi nhuận giữ lại thay vì ghi nhận các khoản này là chi phí quản lí doanh nghiệp phát sinh trong năm. Trong năm 2008, Công ty đã phát hiện sai sót này và điều chỉnh hồi tố các tài khoản có liên quan như sau:

- Tăng lợi nhuận giữ lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.042.311 ngàn VNĐ.
- Tăng chi phí quản lí trong năm 2007 là 2.042.311 ngàn VNĐ.

(3) Điều chỉnh cho chi phí trả trước

Công ty đã ghi nhận chi phí quảng cáo 1.090.436 ngàn đồng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 dưới dạng chi phí trả trước trong khi khoản chi phí này cần phải ghi nhận như chi phí khi phát sinh. Trong năm 2008, Công ty đã phát hiện sai sót này và điều chỉnh hồi tố các tài khoản có liên quan như sau:

- Giảm chi phí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.090.436 ngàn VNĐ.
- Tăng chi phí bán hàng trong năm 2007 là 1.090.436 ngàn VNĐ.

Ngoài ra, một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính riêng của năm 2007 đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của năm nay.

Những ảnh hưởng lên bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của những bút toán điều chỉnh hồi tố nảy sinh từ vấn đề đã đề cập ở trên và của việc phân loại lại theo như những phát hiện năm nay. Những quy định theo Chuẩn mực kế toán hiện hành được tóm tắt như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

25. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

	<i>Theo báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2007</i>	<i>Đã được trình bày lại</i>
Bảng cân đối kế toán riêng		
Khoản phải thu ngắn hạn	182.027.734	182.100.753
Hàng tồn kho	222.141.088	238.862.314
Những tài sản dài hạn khác	19.080.723	17.578.340
Vay và Nợ ngắn hạn	374.896.572	394.190.816
Vay và Nợ dài hạn	33.429.840	32.623.513
Lợi nhuận giữ lại	26.280.077	21.976.261
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng		
Giá vốn hàng bán	930.369.342	930.901.471
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.465.039	18.507.350
Chi phí bán hàng	4.462.556	5.552.992
Chi phí khác	4.080.249	4.080.250
Lợi nhuận trước thuế	48.926.284	45.261.410
Lợi nhuận sau thuế	33.731.766	30.066.891
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng		
Lợi nhuận trước thuế	48.926.284	45.261.410
Tiền đã dùng vào hoạt động kinh doanh	(73.502.324)	(73.502.324)
Tiền đã dùng vào hoạt động đầu tư	(35.567.762)	(35.567.762)
Tiền thu từ hoạt động tài chính	120.143.535	120.143.535

Kế toán trưởng
Phan Văn Thơm

Tổng Giám Đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009